

KHẢO SÁT ẨN DỤ Ý NIỆM “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XX

TRẦN THỊ BÍCH LAN *

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu cơ chế ánh xạ trong ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” trong văn học Việt Nam thế kỷ XX, với miền nguồn “thực vật” được ánh xạ lên miền đích “người đàn ông”. Trong phạm vi bài báo này, ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” được phân thành ba ẩn dụ bậc dưới gồm NGOẠI HÌNH, ĐẶC ĐIỂM, TRẠNG THÁI TÌNH THẦN CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, TRẠNG THÁI SINH HỌC CỦA THỰC VẬT; HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỰC VẬT và HOẠT ĐỘNG VỚI NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG VỚI THỰC VẬT.

Từ khóa: Ẩn dụ ý niệm, đàn ông, thực vật, miền đích, miền nguồn.

Abstract: The article explores the mapping mechanism of the conceptual metaphor “MEN ARE PLANTS” in Vietnamese literature in the 20th century, with the source domain “plant” being mapped onto the target domain “men”. Within the scope of this article, the conceptual metaphor “MEN ARE PLANTS” is sub-divided into three categories, including APPEARANCE, CHARACTERISTICS, MENTAL STATUS OF MEN ARE APPEARANCE, CHARACTERISTICS, BIOLOGICAL STATUS OF PLANTS; MEN’S ACTIVITIES ARE PLANTS’

ACTIVITIES and ACTIVITIES DONE TO MEN ARE ACTIVITIES DONE TO PLANTS.

Keywords: Conceptual metaphor, men, plants, target domain, source domain.

1. Giới thiệu

Ẩn dụ là một bộ phận hợp thành của sự sáng tạo ngôn ngữ và khả năng nhận thức của con người về thế giới khách quan. Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, ẩn dụ đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau và theo những cách tiếp cận khác nhau. Quan niệm về ẩn dụ từ thời đại của Aristotle cho đến thế kỷ XX đã có nhiều chuyển biến đáng kể. Theo quan điểm của ngôn ngữ học truyền thống, ẩn dụ là một biện pháp tu từ hoặc một phương thức phát triển nghĩa của từ. Những năm 70 của thế kỷ XX, ngôn ngữ học tri nhận đã phát triển mạnh mẽ tại Mỹ và được biết đến như một cuộc cách tân trong khoa học lấy đặc điểm tri nhận của con người làm trọng tâm nghiên cứu. Sự ra đời của ngôn ngữ học tri nhận được đánh dấu bởi tác phẩm kinh điển *Metaphors we live by* của George Lakoff và Mark Johnson [6] - một cuốn sách được

* ThS - Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại; Email: tranlanhai@yahoo.com

xem như “kinh thánh của ngôn ngữ học tri nhận”. Lakoff và Johnson đã đi ngược lại các quan điểm truyền thống về ẩn dụ và khẳng định ẩn dụ không chỉ là thủ pháp tu từ mà còn là phương thức tư duy. Điều này khiến phạm vi nghiên cứu của ẩn dụ không chỉ dừng lại ở ẩn dụ trong ngôn ngữ mà chuyển sang ẩn dụ trong trí não, từ đó mở ra cánh cửa để tìm hiểu quá trình tư duy của con người đối với các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Việc nghiên cứu các phương thức ẩn dụ trong các ngôn ngữ khác nhau từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận giúp chúng ta thấy được những nét đặc trưng văn hóa thể hiện qua ngôn ngữ của mỗi dân tộc, từ đó giúp hiểu được đặc trưng tư duy của mỗi dân tộc được bộc lộ qua “bức tranh ngôn ngữ về thế giới”.

“Con người” là một trong những phạm trù trung tâm của nhận thức và phản ánh - điều đó được ghi nhận trong tất cả các ngôn ngữ và nền văn học từ trước tới nay. Trong nền văn hóa Việt có nhiều đặc điểm, thuộc tính, tính chất của các sự vật khác được liên tưởng đến khi nói về con người, trong đó có người đàn ông - một nửa của thế giới. Trong thực tế đời sống, người đàn ông có mặt khắp nơi, tham gia vào tất cả các hoạt động văn hóa - xã hội, thể hiện đầy đủ những đặc tính của con người nói chung và đặc trưng riêng biệt của giới (nam). Trong văn học, bên cạnh nhân vật người đàn bà, người đàn ông là một nhân vật mang nhiều dáng vẻ và đặc tính riêng biệt, tham gia vào quá trình ẩn dụ. Nhiều sự vật, hiện tượng khác nhau đã được sử dụng, ánh xạ thành người đàn ông dựa trên sự tương đồng về thuộc tính như: hình dạng, thể chất, tính cách, hoạt động và địa điểm sinh sống... Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo này, tác giả tìm hiểu cấu trúc tầng bậc của ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” trong văn học

Việt Nam thế kỷ XX thông qua việc phân tích sơ đồ ánh xạ từ hai miền không gian trong tư duy của người Việt.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm về ẩn dụ ý niệm

Theo Trần Văn Cơ [1, tr. 5], ẩn dụ ý niệm (hay còn gọi là ẩn dụ tri nhận - cognitive metaphor) “là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới. Về nguồn gốc, ẩn dụ tri nhận đáp ứng năng lực của con người nắm bắt và tạo ra sự giống nhau giữa những cá thể và những lớp đối tượng khác nhau”.

Nguyễn Đức Tồn [4, tr.8], khi nghiên cứu bản chất của ẩn dụ đã trình bày định nghĩa thể hiện khuynh hướng nghĩa học về ẩn dụ ý niệm như sau: “Ẩn dụ là phép thay thế tên gọi hoặc chuyển địa điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng khác loại dựa trên cơ sở sự liên tưởng đồng nhất hóa chúng theo đặc điểm, thuộc tính nào đó cùng có ở chúng”.

Với các cách tiếp cận chung này, ẩn dụ ý niệm có thể được xem như là sự nhận hiểu một miền ý niệm này trong tri thức của một miền ý niệm khác, và như vậy ẩn dụ ý niệm là một trong những phương thức biểu tượng tri thức dưới dạng ngôn ngữ.

2.2. Bản chất của ẩn dụ ý niệm

Lakoff và Johnson cho rằng “Ẩn dụ ý niệm phổ biến trong ngôn ngữ hàng ngày, chúng không phải tồn tại trong ngôn ngữ mà tồn tại ngay trong suy nghĩ và hành động của chúng ta” [6, tr. 3]. Theo đó, ẩn dụ không còn là một hiện tượng ngôn ngữ, một thuộc tính của ngôn từ mà là “một quá trình tất yếu diễn ra trong hoạt động tư duy

của con người” [2, tr. 3]. Cùng chung quan điểm, Lee cho rằng “ẩn dụ là những cấu trúc vĩ mô ảnh hưởng đến cách tư duy của chúng ta về toàn bộ các lĩnh vực trải nghiệm của con người” [7, tr. 7]. Nói cách khác, tư duy của con người về cơ bản là mang tính ẩn dụ.

Trong sơ đồ ánh xạ của ẩn dụ ý niệm luôn tồn tại hai miền ý niệm: miền nguồn là “miền cung cấp cấu trúc cho ẩn dụ, được kích hoạt bởi sự ánh xạ xuyên miền” và miền đích là “miền được cấu trúc bởi miền nguồn” [5, tr. 201] và “sự ánh xạ cấu trúc từ miền nguồn sang miền đích hình thành nên sự liên kết tương hợp ở cấp độ ý niệm” [5, tr. 210]. Đặc điểm của miền nguồn là cụ thể, chứa đựng nhiều tri thức gần gũi với đời sống của cộng đồng ngôn ngữ, còn miền đích thường trừu tượng, phức tạp và khó nắm bắt hơn.

2.3. Phân loại ẩn dụ ý niệm

Xét theo chức năng tri nhận, ẩn dụ ý niệm có thể được phân thành các loại sau:

2.3.1. Ẩn dụ cấu trúc

Ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ mà ý nghĩa của một từ/biểu thức (miền đích) được hiểu thông qua cấu trúc của một từ/biểu thức khác (miền nguồn). Nói cách khác, ẩn dụ cấu trúc là hiện tượng cấu trúc lại ý niệm ở miền đích về mặt nghĩa sau khi nhận được những tri thức mới do ý niệm ở miền nguồn gán cho hay ánh xạ lên.

Chẳng hạn với ẩn dụ cấu trúc “THỜI GIAN LÀ TIỀN BẠC”, ý niệm “tiền bạc” (miền nguồn) đã cấu trúc hóa ý niệm “thời gian” (miền đích) làm cho hai khách thể “thời gian” và “tiền bạc” trở nên tương đồng ở một bộ phận nào đó như trong các ví dụ sau: Bạn *phung phí* thời gian quá đấy; Mua máy rửa bát sẽ *tiết kiệm* cho bạn nhiều thời gian;...

2.3.2. Ẩn dụ bản thể

Về bản chất, ẩn dụ bản thể là quá trình vật thể hóa những bản thể trừu tượng và vạch ranh giới của chúng trong không gian. Nói cách khác, ẩn dụ bản thể là những phương thức giải thích các sự kiện, hành động, cảm xúc, tư tưởng,... vốn là những khái niệm trừu tượng, xem chúng như những vật thể và chất liệu.

Ví dụ như giá cả được tri giác như một vật thể độc lập, nên mới có những ẩn dụ như *nâng giá*, *hạ giá*, *định giá*, *giảm giá*, *khảo cứu giá*,...

2.3.3. Ẩn dụ định hướng

Ẩn dụ định hướng không cấu trúc ý niệm thông qua một ý niệm khác mà thay vào đó tổ chức cả một hệ thống ý niệm trong mối tương quan với nhau. Chúng ta gọi ẩn dụ này là ẩn dụ định hướng bởi vì trong số đó có nhiều ẩn dụ liên quan đến định vị không gian được tổ chức thành các cặp đối lập như *trên - dưới*, *trong - ngoài*, *trước - sau*, *ngon - xấu*, *trung tâm - ngoại vi*,...

Ví dụ ẩn dụ ý niệm “NIỀM VUI ĐỊNH HƯỚNG LÊN TRÊN” có các ví dụ sau: Anh ấy thấy *phấn chấn hẳn lên*; Tôi đang *trên chín tầng mây*;...

3. Ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” trong văn học Việt Nam thế kỷ XX

Người Việt là một dân tộc xuất phát từ môi trường sống văn minh nông nghiệp nên đời sống luôn gắn bó, gần gũi với cỏ cây, hoa lá. Chính vì vậy, thực vật có vị trí khá đặc biệt trong tâm thức văn hóa Việt Nam. Không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống vật chất, các loại thực vật đã thâm nhập vào đời sống văn hóa của người Việt một cách hết sức tự nhiên và trở thành đối

tượng nhận thức thẩm mỹ, là chất liệu quan trọng cho nhiều loại hình văn hóa dân gian, đặc biệt là văn học. Hình ảnh các loài thực vật được phản ánh trong văn chương nghệ thuật là một cách thức quan trọng để người Việt nhận biết, khám phá và biểu hiện chính mình trong mối quan hệ với tự nhiên. Trong nền văn hóa Việt, rất nhiều đặc điểm, hoạt động, trạng thái, thuộc tính của thực vật là nhằm nói đến con người, trong đó có người đàn ông. Bài báo nghiên cứu mô hình ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” nhằm tìm hiểu cơ chế tri nhận của người Việt về người đàn ông qua ý niệm “thực vật”. Cơ chế của ý niệm này gồm miền nguồn là “thực vật” chiếu xạ lên miền đích là “người đàn ông”. Các thuộc tính và tri thức về “thực vật” được ánh xạ, sao phỏng và phóng chiếu cho “người đàn ông” theo mô hình trung tâm (gồm các đặc trưng mang tính phổ quát toàn nhân loại) - ngoại vi (bao gồm những yếu tố ngôn ngữ, văn hóa mang tính đặc thù của văn hóa Việt). Cụ thể hơn, trong ẩn dụ này, người đàn ông được hình dung như thực vật trong mối quan hệ với vòng đời của chúng và được tri nhận như những bộ phận của thực vật ở giai đoạn phát triển rồi tàn úa dần như lá, hoa, quả. Từ những ngữ liệu đã thu thập được có thể thấy những tri thức mà miền đích “đàn ông” nhận được chỉ tập trung ở một số đặc trưng nhất định của miền nguồn “thực vật” chứ không phải toàn bộ tri thức của miền này. Trong quá trình chiếu xạ, nhiều nét thuộc tính của thực vật không tham gia vào việc cấu trúc hóa ý niệm con người như *rễ cọc, rễ chùm, lông hút, răng cưa, quang hợp,...* và tính bộ phận này đã khiến cho không gian miền nguồn và miền đích không đồng nhất tuyệt đối mà chỉ là đồng nhất bộ phận mà thôi. Hiện tượng này được gọi là ánh xạ một phần.

Dựa trên các đặc điểm của miền nguồn “thực vật” bao gồm: đặc điểm bên ngoài, tính chất, trạng thái sinh học, hoạt động của thực vật, hoạt động đối với thực vật, ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT” có thể được phân thành ba ẩn dụ bậc dưới gồm NGOẠI HÌNH, ĐẶC ĐIỂM, TRẠNG THÁI TINH THẦN CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, TRẠNG THÁI SINH HỌC CỦA THỰC VẬT; HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỰC VẬT và HOẠT ĐỘNG VỚI NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG VỚI THỰC VẬT, được cụ thể hóa qua lược đồ sau:

Miền nguồn: THỰC VẬT	Ứng với	Miền đích: NGƯỜI ĐÀN ÔNG
Đặc điểm, tính chất, trạng thái sinh học	→	Ngoại hình, đặc điểm, trạng thái tinh thần
Hoạt động	→	Hoạt động
Hoạt động với thực vật	→	Hoạt động với người đàn ông

3.1. Ẩn dụ bậc dưới NGOẠI HÌNH, ĐẶC ĐIỂM, TRẠNG THÁI TINH THẦN CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, TRẠNG THÁI SINH HỌC CỦA THỰC VẬT

Do có nhiều điểm tương đồng, những phương diện về người đàn ông như ngoại hình, đặc điểm, trạng thái tinh thần đều có thể được tri nhận qua đặc điểm, tính chất và trạng thái sinh học của thực vật. Các nhóm từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái của thực vật như *héo, khô, úa, cần, phai, ửng đỏ, căng, mọng, tươi, giòn, non, xanh, mơn mớn, thắm, mướt, to, thom, mịn, phớt* đều tham gia vào quá trình ý niệm hóa này.

Theo các nhà ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ ý niệm không mang tính võ đoán mà hoàn toàn dựa trên kinh nghiệm vật lý và văn hóa của con người. Trong các ẩn dụ về thực vật dưới đây, việc sử dụng các từ miêu tả đặc điểm của thực vật như *măng* (mầm tre, vầu mới mọc từ gốc lên) [3, tr. 809], *tơ* (sợi rất mảnh và mượt như tơ tằm) [3, tr. 1333], *mơn mớn* (non mượt và tươi tốt, đầy sức sống) [3, tr. 845] gọi tả sức sống, tuổi trẻ, sự sung sức của những chàng thanh niên mới lớn giống như những chồi non xanh mơn mớn, căng tràn nhựa sống. Từ *non* (ở giai đoạn đầu tiên của quá trình sống tự nhiên, cơ thể còn yếu ớt, chưa phát triển đầy đủ) [3, tr. 962] ở ví dụ số (4) ngoài miêu tả tuổi đời non trẻ còn được sử dụng với nghĩa non nớt, chưa trải sự đời.

(1) Bốn năm trước đây khi mới tới huyện này, người thanh niên Hà Nội còn trẻ *măng, trắng đỏ, rất đẹp trai*. (*Định mức*, Nam Cao).

(2) Mười chín tuổi. Trai *tơ*... (*Ấn mảy dĩ vãng*, Chu Lai).

(3) Những mái nhà âm cúng đang tỏa ra làn khói bữa cơm chiều kia, những cửa hàng sang trọng, những đường phố trải nhựa rộng dài mịn như lụa kia, những cô cậu học trò tươi xinh *mơn mớn*... (*Ấn mảy dĩ vãng*, Chu Lai).

(4) Đây, chúng nó đang thù, chúng nó lại biết mình *non*, mà lại cứ nhất định rằng mình được trầu được cau, nhà bây giờ bạc trăm lúc nào cũng có. (*Đôi lứa xứng đôi*, Nam Cao).

Trong văn học, cảm thức về người đàn ông luôn gắn với cảm thức cây cỏ ở cả hai trạng thái tích cực và tiêu cực. Dựa trên cơ sở vật lý, chúng ta có thể quan sát tư thế *rũ xuống* hay trạng thái *mềm, úa, xanh xao*,

cần cỗi của thực vật là dấu hiệu của sự suy yếu, khô héo, ngừng phát triển, rơi rụng của thực vật, từ đó các nét thuộc tính này được ánh xạ sang miền đích người đàn ông, góp phần cấu trúc hóa ý niệm về trạng thái tinh thần tiêu cực hoặc sự suy yếu, sự kết thúc của một giai đoạn, một sự việc của người đàn ông. Một số ví dụ tiêu biểu gồm:

(5) Băn khoăn rất nhiều đến thằng con đồng chí Chấn. Nó gầy như một con nhái bén, *mềm* như một lá rau *úa*,... (*Ở rừng*, Nam Cao).

(6) Mỗi một câu nói, một cử chỉ, một cái nhìn của bà ta là một luồng hơi cay xộc thẳng vào mũi ông, đẩy nhanh ông vào một tình thế chơi voi, *mềm oặt* không cưỡng lại được. (*Ấn mảy dĩ vãng*, Chu Lai).

(7) Cái đầu ấy giờ đây *rũ xuống* điêu tàn như một con sâu rượu hết bẻ cứu vãn. (*Ấn mảy dĩ vãng*, Chu Lai).

(8) Bà trông lại mà xem cái bộ mặt ghé góm, *xanh xao* vì ả phù dung của một kẻ thất vọng vì tình. (*Giương...Tống tiền*, Vũ Trọng Phụng).

(9) Và đột nhiên y thấy buồn rầu. Lòng y đã *cần cỗi* đến mức ấy rồi ư? (*Sống mòn*, Nam Cao).

Trong các dụ dẫn trên, người đàn ông được tri nhận như cây cỏ, nên khi rơi vào trạng thái tinh thần buồn bã, ủ dột, héo hắt sẽ giống như một cái cây, một chiếc lá héo, úa, mềm oặt do bị thiếu nước, thiếu dinh dưỡng hay khi bị nắng quai thiêu đốt.

Ngược lại, từ *tươi* thường được sử dụng để diễn tả trạng thái tinh thần tích cực của người đàn ông.

(10) Nhân một dịp nghỉ, tôi về, đến chơi người bạn đồng nghiệp hiếu sự và diên ấy, thấy hai vợ chồng đều *tươi* như hai cái hoa. (*Cái ghen đàn ông*, Vũ Trọng Phụng).

(11) Mặt ông, lúc đó, tuy trơ trên, nhưng *tươi* lắm. (*Người thứ ba*, Nguyễn Công Hoan).

(12) Thứ lại phải *tươi* mặt lại. Y khép cánh cửa, để chúng không nhìn vào bên trong được. (*Sống mòn*, Nam Cao).

Tươi là trạng thái điển hình của thực vật, ứng với cả cây, hoa và quả, chỉ tình trạng còn mới, tươi tắn, chưa héo úa. Khi tham gia vào quá trình ánh xạ, *tươi* chỉ trạng thái vui vẻ, phấn khởi và tươi tỉnh của người đàn ông.

3.2. Ấn dụ bậc dưới HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỰC VẬT

Để xác định các vị từ có thể tham gia vào ấn dụ bậc dưới này, chúng tôi căn cứ vào nét nghĩa cơ bản của từ hoạt động trong *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê [3, tr. 595], theo đó, hoạt động được triết giải là sự “vận động, cử động, thường là nhằm một mục đích nào đó”. Trong các tác phẩm văn học Việt Nam, có nhiều động từ chỉ hoạt động của thực vật như *trổ, nở, nhú, nứt, vươn, nảy, mọc, bám rễ, tàn, phai, rữa, rụng, rơi, rũ, trôi, giạt, quắn, leo, bám* tham gia vào quá trình ánh xạ này. Có thể thấy đây là những từ chỉ hoạt động không mang tính chủ ý, diễn tả vận động mang tính nội tại bên trong của chủ thể. Đặc biệt, các động từ chỉ vòng đời của thực vật như *mọc, tàn, rữa* chiếm tỉ lệ cao hơn các từ khác, cho thấy đây là các dạng hoạt động điển hình của thực vật, ví dụ:

(13) Những người biết điều thì hay ngờ vực, họ chép miệng nói: “Tre già măng *mọc*, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu...” (*Chí Phèo*, Nam Cao).

(14) Từ một thiếu niên có tương lai tốt đẹp, Vân đã hóa ra kẻ bị xã hội khinh bỉ... Ma đại thân *tàn*. (*Giương...Tống tiền*, Vũ

Trọng Phụng).

(15) ... những thằng bạn mà thân thể đã *tan rữa chẳng biết ở góc rừng nào!* (*Ấn mày dĩ vãng*, Chu Lai).

(16) Thì tôi chả đã *rã rữa trong hàng trăm những cánh đời đen bạc, uế tạp rồi đó sao?* (*Ấn mày dĩ vãng*, Chu Lai).

Các động từ miêu tả chu kỳ phát triển của cây gợi liên tưởng tới vòng đời sinh học của một người đàn ông: *mọc tương đương với thời điểm chào đời, tàn, già ám chỉ tuổi già khi người đàn ông yếu dần đi, suy kiệt hoặc chuẩn bị bước vào giai đoạn cuối cùng của sự tồn tại và tan rữa, rã rữa chính là thời điểm sự sống kết thúc, xác thân nằm xuống trở về với cát bụi* (ví dụ số 15) hay cái chết trong tâm hồn (ví dụ số 16).

Ngoài các động từ trên còn có nhiều động từ chỉ hoạt động của thực vật khác có khả năng tham gia cấu trúc ý niệm người đàn ông như trong các ví dụ sau:

(17) Rồi đây, thân phận nó sẽ *nổi, chìm, trôi, giạt, lênh đênh* như những cánh bèo mặt nước, như những mảng bọt giữa sông. (*Chống nạng lên đường*, Vũ Trọng Phụng).

(18) Hắn không còn *quắn quýt* suốt ngày với nó, luẩn quẩn suốt ngày bên nhà nó. (*Truyện người hàng xóm*, Nam Cao).

Ở ví dụ (17), cuộc đời người đàn ông được liên tưởng qua hình ảnh những cánh bèo *nổi, chìm, trôi, giạt, lênh đênh* trên mặt nước. Bèo hay lục bình là loài hoa không bền đỗ, trôi dạt kiếp phù du, lênh đênh giữa dòng đời mưa giông chớp bể, do đó có nhiều nét tương đồng với cuộc đời phong trần nhiều phong ba, bão táp của người đàn ông. Ở ví dụ (18), hình ảnh những cây dây leo *quắn quýt* được chiếu xạ lên mối quan hệ của đàn ông và phụ nữ giúp chúng ta

mường tượng được tình cảm quyến luyến, khăng khít không rời giữa hai người.

3.3. *Ẩn dụ bậc dưới HOẠT ĐỘNG VỚI NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG VỚI THỰC VẬT*

Trong cấu trúc ánh xạ này, các động từ chỉ sự tác động tới thực vật như *gieo, cấy, ương, trồng, tưới, uôn, làm héo, bứt, bứng, tiện, nhổ, vùi dập, tiện ngọt* đều tham gia vào quá trình ý niệm hóa người đàn ông. Trong các trường hợp trên, người đàn ông thường được tri nhận như hoa, quả, hoặc cây cỏ nói chung. Nhờ các diễn ngữ trên mà cuộc đời, số phận,... của người đàn ông có thể được cảm nhận bằng các giác quan, được hình dung qua những hành động cụ thể, ví dụ:

(19) Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn *gieo* trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. (*Giăng sáng*, Nam Cao).

(20) Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Điền! Cái khổ *làm héo* một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. (*Giăng sáng*, Nam Cao).

(21) Làng Mai đây rồi. Quan nào muốn *bứt* đầu lão thì ra đây! (*Quái dị*, Nam Cao).

(22) Tao e rằng, với cái tính khí cứng rắn kiêu sĩ phu Bắc Hà như ông Hùng, trước sau gì rồi cũng bị mấy cha ngứa mắt mà *tiện ngọt*. Chờ xem. (*Ấn mày dĩ vãng*, Chu Lai).

4. Kết luận

Trong ẩn dụ “NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ THỰC VẬT”, cơ chế ánh xạ được thực

hiện từ miền nguồn “thực vật” sang miền đích “người đàn ông”, từ đó người đàn ông được gán cho các đặc điểm, tính chất, trạng thái của thực vật. Cơ chế này tạo ra ba ẩn dụ bậc dưới gồm: NGOẠI HÌNH, ĐẶC ĐIỂM, TRẠNG THÁI TINH THẦN CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, TRẠNG THÁI SINH HỌC CỦA THỰC VẬT; HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỰC VẬT và HOẠT ĐỘNG VỚI NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÀ HOẠT ĐỘNG VỚI THỰC VẬT. Những thuộc tính căn bản của miền nguồn được lựa chọn để chiếu xạ lên miền đích, phản ánh đặc trưng tư duy, văn hóa của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Cơ, *Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
- [2] Nguyễn Thị Bích Hợp, *Ẩn dụ ý niệm “NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ MÓN ẨM” trong tiếng Việt*, Khoa học Đại học Tân Trào, số 2, tr. 72-79, 2016.
- [3] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2015.
- [4] Nguyễn Đức Tồn, *Bản chất của ẩn dụ*, Ngôn ngữ, số 11, tr. 1-9, 2007.
- [5] Evans, Vyvyan, *A Glossary of Cognitive Linguistics*, Edinburgh University Press, Edinburgh, 2007.
- [6] Lakoff, George and Mark Johnson, *Metaphors We Live By*, The University of Chicago Press, London, 1980.
- [7] Lee, David, *Cognitive Linguistics: An Introduction*, Oxford University Press, Oxford, 2001.
- [8] <https://www.dtv-ebook.com>.
- [9] <https://sachvui.vn>.